

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 2199/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2014

CTY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 998
	Ngày: 07.5.2014
	Chuyên: Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty nhà nước thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 73/TTr-HĐTĐ ngày 18 tháng 10 năm 2013 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 154/TCDN-NN ngày 19 tháng 3 năm 2014; Công văn số 3152/STC-TCDN ngày 18 tháng 4 năm 2014,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Đối mới Quản lý doanh nghiệp thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Chi cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPTU, Ban Tổ chức Thành ủy;
- Sở Tài chính, Sở KH và ĐT
- Sở Nội vụ; Sở Tư pháp;
- Công an thành phố (PC.13);
- VPUB: Các PVP;
- P.TC-TM-DV (3b), các Phòng CV;
- Lưu: VT, (TM/D). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hồng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2199/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2103/TTg-ĐMDN ngày 04 tháng 11 năm 2009; Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định hiện hành. Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, trên cơ sở tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 644/TTg ngày 10 tháng 09 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các Luật, Pháp lệnh, Nghị định có liên quan về quản lý hoạt động công ty TNHH 100% vốn nhà nước, một số quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các Luật khác có liên quan.

Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ và chức năng của Quỹ Đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “HFIC” là Công ty xuất Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, giữ vai trò Công ty mẹ trong mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

2. “Công ty con” là các doanh nghiệp do HFIC xuất 100% vốn đầu tư hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phí; các tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. “Công ty liên kết” là doanh nghiệp mà HFIC nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phí theo quy định của pháp luật.

4. “Các doanh nghiệp do thành phố chuyển giao” là các tổ chức công ty, công ty nhà nước, công ty TNHH một thành viên nhà nước, công ty TNHH hai thành viên trở lên, các công ty cổ phần nước ngoài chuyển nhượng các công ty nhà nước có lập trình thu hút ý ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để chuyển giao cho HFIC thực hiện chức năng quản lý kinh tế xã hội.

5. “Nhân viên trực thu” là các nhân viên kế toán thu thuế, nhân viên nghiệp vụ, chi nhánh, văn phòng quản lý kinh tế trong các đơn vị Công ty.

6. “Công ty tự nguyện tham gia liên kết” là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của HFIC nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết trên cơ sở quan hệ gần gũi về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với HFIC, chú trọng mục tiêu quy hoạch và phát triển HFIC theo hướng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp đó với HFIC.

7. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với HFIC theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

8. “Cổ phần, vốn góp chi phí” tức là các doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc cổ góp vốn góp của HFIC chiếm trên 50% vốn đầu tư của doanh nghiệp đó.

9. “Cổ phần không chi phí, vốn góp không chi phí” tức là doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc cổ góp vốn góp của HFIC chiếm từ 50% vốn đầu tư của doanh nghiệp trước.

10. “Quy định chi phí” là quy định của HFIC về chi phí của doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quy định sau đây:

- Quy định của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; Quy định của công đồng, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phí của doanh nghiệp;

- Quy định trực tiếp hay gián tiếp bởi nhiệm vụ hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc của doanh nghiệp;

- Quy định quy định phê duyệt, sai, bổ sung vốn đầu tư của doanh nghiệp;

- Các quy định chi phí khác theo thỏa thuận giữa HFIC và doanh nghiệp bị chi phí và các ghi vào vốn đầu tư của doanh nghiệp bị chi phí.

11. “Vn i ul” là vn i ul c xác nh trong ph ng án thành l p HFIC c c p có th m quy n phê duy t ghi t i i ul này và các gi y phép ng ký kinh doanh b sung c a c p có th m quy n.

12. “Vn ho t ng” là t ng s v n ch s h u và v n huy ng c a HFIC t i m t th i i m.

13. “Cho vay h p v n” là vi c HFIC huy ng các t ch c tài chính tín d ng và các t ch c khác cùng cho vay v n ut m t d án.

14. “Viên ch c qu n lý” là Ch t ch, các thành viên H i ng thành viên, Ki m soát viên, T ng Giám c, Phó T ng Giám c, K toán tr ng c a HFIC.

15. Ho t ng ut c a HFIC bao g m:

a) ut theo ch c n ng Qu ut phát tri n a ph ng vào các d án thu c lnh v c k t c u h t ng kinh t - xã h i u tiên phát tri n c a thành ph trong t ng th i k :

i. “ ut tr c ti p vào các d án” là:

- ut vào các d án thu c lnh v c k t c u h t ng kinh t - xã h i, trong ó HFIC có th tr c ti p qu n lý d án theo quy nh c a pháp lu t v qu n lý ut và xây d ng;

- ut vào các doanh nghi p d án qu n lý và th c hi n duy nh t m t d án theo các hình th c h p ng h p tác kinh doanh (BCC), h p ng xây d ng - kinh doanh - chuy n giao (BOT), h p ng xây d ng - chuy n giao - kinh doanh (BTO), h p ng xây d ng - chuy n giao (BT) và các hình th c khác theo quy nh c a pháp lu t ut ;

ii. “Góp v n thành l p các t ch c kinh t ” bao g m góp v n thành l p công ty c ph n, công ty trách nhi m h u h n theo quy nh c a Lu t doanh nghi p th c hi n các ho t ng ut tr c ti p vào các công trình, d án k t c u h t ng kinh t - xã h i.

b) ut vào các doanh nghi p do y ban nhân dân thành ph H Chí Minh chuy n giao (bao g m ph n v n ti p nh n ban u và v n ut b sung);

c) Các ho t ng ut khác ngoài hai n i dung nêu t i i m a và i m b, Kho n 15 i u này theo ch c n ng, nhi m v c a HFIC quy nh t i i u 12 i ul này.

16. “Qu h tr s p x p và phát tri n doanh nghi p Thành ph H Chí Minh” là Qu c c p th m quy n quy t nh thành l p qu n lý t p trung, th ng nh t, có hi u qu các ngu n thu t ph n v n nhà n c góp t i các doanh

nghi p do y ban nhân dân thành ph H Chí Minh là ch s h u, bao g m c các ngu n thu t quá trình s p x p doanh nghi p 100% v n nhà n c.

17. “Ng i i di n” là Ng i i di n theo y quy n i v i ph n v n c a HFIC t i doanh nghi p, c HFIC y quy n b ng v n b n th c hi n quy n, trách nhi m và ngh a v c a HFIC t i doanh nghi p.

18. “ u t v n ra ngoài doanh nghi p” là ho t ng dùng v n b ng ti n, tài s n, hàng hóa ho c th ng hi u c a HFIC u t , góp v n, liên doanh, mua c ph n, trái phi u, u t t ng v n vào công ty con, công ty liên k t, công ty khác và các hình th c u t khác theo quy nh c a pháp lu t.

Các t ng khác trong i u l này ã c gi i ngh a trong B lu t Dân s , Lu t Doanh nghi p, Lu t u t và các v n b n pháp lu t khác thì có ngh a nh trong các v n b n pháp lu t ó. Danh t “pháp lu t” c hi u là pháp lu t Vi t Nam.

i u 3. Tên, a ch , tr s chính Công ty

1. Tên Công ty:

a) Tên g i y c a Công ty b ng ti ng Vi t: CÔNG TY U T TÀI CHÍNH NHÀ N C THÀNH PH H CHÍ MINH.

b) Tên ti ng Anh: HO CHI MINH CITY FINANCE AND INVESTMENT STATE-OWNED COMPANY.

c) Tên vi t t t: HFIC.

2. Lo i hình doanh nghi p: Công ty trách nhi m h u h n m t thành viên.

3. a ch tr s chính: 33-39 ng Pasteur, Ph ng Nguy n Thái Bình, Qu n 1, Thành ph H Chí Minh.

- i n tho i: (84-8) 3821 4244 Fax: (84-8) 3821 4243

- Website: www.hfic.vn Email: hfic@hfic.vn

4. HFIC có t cách pháp nhân theo pháp lu t Vi t Nam, t ch v tài chính, có con đ u riêng, c m tài kho n t i Kho b c nhà n c, các ngân hàng th ng m i trong n c, n c ngoài theo quy nh c a pháp lu t, có các công ty con, chi nhánh và v n phòng i di n t i m t s khu v c trong và ngoài n c.

i u 4. V n i u l c a HFIC

1. V n i u l t i th i i m thành l p HFIC là 5.000 (n m nghìn) t ng và c b sung trong quá trình ho t ng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định hình thức và mặt hàng vốn đầu tư. Khi có sự thay đổi vốn đầu tư, HFIC phải chịu trách nhiệm vốn đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và công bố theo quy định của pháp luật.

3. HFIC không có giấy m.v.n đầu tư.

Điều 5. Cấu trúc, bộ máy quản lý và điều hành

Cấu trúc, bộ máy quản lý và điều hành của HFIC bao gồm: Hội đồng thành viên; Giám đốc viên; Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận chức năng giúp việc; các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.

Điều 6. Quy chế quản lý tài chính của HFIC

Quy chế quản lý tài chính của HFIC do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

Điều 7. Nghĩa vụ đầu tư theo pháp luật

Tổng giám đốc là người đầu tư theo pháp luật của HFIC, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và đầu tư của HFIC.

Điều 8. Tổ chức công và tổ chức chính trị - xã hội trong HFIC

1. Tổ chức Công đoàn Công nhân Việt Nam trong HFIC hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và đầu tư của Công đoàn Công nhân Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong HFIC hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và đầu tư của các tổ chức chính trị - xã hội có phù hợp với quy định của pháp luật.

3. HFIC tổ chức liên hệ, tư vấn, thi công, đầu tư kinh doanh thị trường thành viên tổ chức Công đoàn Công nhân Việt Nam, tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và đầu tư của các tổ chức đó.

Điều 9. Chức năng của HFIC

Nhiệm vụ là Chức năng của HFIC, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có phân công thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Chức năng đầu tư HFIC theo quy định của pháp luật.

Ch ƣng II

QUY ƢN VÀ NGH ƢA V Ƣ C Ƣ Ƣ Y BAN NH ƢN D ƢN TH ƢNH PH Ƣ

Ƣi u 10. Quy Ƣn, tr Ƣch nhi m c Ƣ Ƣ y ban nh Ƣn d Ƣn th Ƣnh ph Ƣ H Ƣ Ch Ƣ Minh

1. Phê duy t Ƣi u l ho t Ƣng c Ƣ HFIC ho c phê duy t Ƣi u l s Ƣ Ƣi, b sung tr Ƣn c s Ƣng c Ƣ H Ƣi ng th Ƣnh vi Ƣn HFIC;

2. Phê duy t chi n l Ƣ, k ho ch s n xu t kinh doanh v Ƣ k ho ch Ƣt ph Ƣt tri n 5 n m; danh m c c Ƣc d Ƣn Ƣt nh Ƣm A, B h ng n m v Ƣ th Ƣng b Ƣo B K ho ch v Ƣ Ƣt, B T Ƣi ch Ƣnh t ng h p, gi Ƣm s Ƣt;

3. Phê duy t t ch c b m Ƣy c Ƣ HFIC tr Ƣn c s Ƣng c Ƣ H Ƣi ng th Ƣnh vi Ƣn HFIC. B nhi m, b nhi m l i, mi n nhi m, t ch c, khen th ng, k lu t Ch t ch v Ƣ th Ƣnh vi Ƣn H Ƣi ng th Ƣnh vi Ƣn, T ng gi Ƣm c, Ki m so Ƣt vi Ƣn; cho Ƣ y ki n v vi c b nhi m, b nhi m l i, mi n nhi m, t ch c, khen th ng, k lu t Ph Ƣ T ng gi Ƣm c, K to Ƣn tr ng. Quy nh vi c x p l ng, phê duy t qu t i n l ng, t i n th ng v Ƣ quy ch tr l ng, th ng cho Vi Ƣn ch c qu n l Ƣ HFIC;

4. Quy t nh vi c g Ƣp v n Ƣt v Ƣo c Ƣc d Ƣn, c Ƣc t ch c kinh t theo th m quy n quy nh t i Ƣi u 37 Ƣi u l n Ƣy;

5. Quy t nh c Ƣc gi i ph Ƣp ph Ƣt tri n th tr ng, ti p th v Ƣ c Ƣng h ;

6. Th Ƣng qua ph ng Ƣn huy ng v n c Ƣ gi Ƣ tr tr Ƣn 15% v n ch s h u c ghi trong b Ƣo c Ƣo t Ƣi ch Ƣnh g n nh t c Ƣ HFIC;

7. Th Ƣng qua vi c cho vay Ƣi v i m t d Ƣn c Ƣ m c v n cho vay tr Ƣn 15% v n ch s h u c Ƣ HFIC ho c th i gian vay qu Ƣ 15 n m;

8. Th Ƣng qua c Ƣc h p ng mua, b Ƣn, th Ƣu, cho th Ƣu v Ƣ h p ng kh Ƣc do Ƣi u l HFIC quy nh c Ƣ gi Ƣ tr tr Ƣn 10% v n ch s h u c Ƣ HFIC;

9. Quy t nh b Ƣn t Ƣi s n c Ƣ gi Ƣ tr c Ƣn l i tr Ƣn 10% v n ch s c Ƣ HFIC;

10. Quy t nh t ng v n Ƣi u l c Ƣ HFIC; chuy n nh ng m t ph n ho c to Ƣn b v n Ƣi u l c Ƣ HFIC cho t ch c, c Ƣ nh Ƣn kh Ƣc;

11. Quy t nh th Ƣnh l p c Ƣng ty con;

12. Quy t nh vi c Ƣt v Ƣo nh ng ho t ng ngo Ƣi c Ƣc l nh v c thu c ng Ƣnh ng h kinh doanh c Ƣ HFIC;

13. H Ƣng n m ho c trong t ng th i k, ban h Ƣnh danh m c c Ƣc l nh v c Ƣt k t c u h t ng kinh t - x Ƣ h i u ti Ƣn ph Ƣt tri n c Ƣ Th Ƣnh ph Ƣ H Ƣ Ch Ƣ Minh sau khi c Ƣ y ki n ch p thu n c Ƣ H Ƣi ng nh Ƣn d Ƣn Th Ƣnh ph Ƣ ;

14. Quy định mức lãi suất cho vay tín dụng của HFIC trong tình hình theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

15. Triệt lập Hội đồng thành viên HFIC hợp pháp thành;

16. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chỉ định, kéo hợp; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh của giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh của giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá việc thực hiện và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành công ty;

17. Chấp thuận Hội đồng thành viên HFIC phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

18. Quy định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản HFIC;

19. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của HFIC sau khi HFIC hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

20. Các quy định khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ HFIC.

Điều 11. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

1. Ưu tiên vốn điều lệ cho HFIC.

2. Thực hiện ủng hộ các quy định tại Điều lệ của HFIC và quy định của pháp luật liên quan đến chức năng.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của HFIC trong phạm vi sử dụng vốn điều lệ của công ty; xác nhận và tách biệt tài sản của chủ sở hữu nhà nước và tài sản của HFIC.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác của HFIC. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định đầu tư; phê duyệt chi trả mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê theo thẩm quyền.

5. Đảm bảo quy định kinh doanh, thực hiện trách nhiệm theo pháp luật của HFIC; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của HFIC.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN NĂNG VÀ NGHĨA VỤ CỦA HFIC

Điều 12. Chức năng, nhiệm vụ của HFIC

1. Huy động các nguồn vốn trong và dài hạn từ các tổ chức tài chính, tín dụng, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật về các hình thức: Phát hành trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tài chính tín dụng, tín dụng các nguồn tài trợ, nhận ủy thác các nguồn vốn.

2. Đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà thành phố ưu tiên đầu tư:

a) Đầu tư theo chức năng Quản lý đầu tư phát triển áp dụng vào các dự án thu hút vốn đầu tư kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố trong tương lai;

b) Các ngành kinh tế quan trọng; các dự án công ích, các chương trình phát triển kinh tế trọng điểm của thành phố;

c) Các dự án phục vụ mục tiêu chính trị theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đầu tư vào các dự án và tổ chức kinh tế mang lợi ích kinh tế cho HFIC.

4. Cho vay ưu đãi các dự án thu hút vốn đầu tư kinh tế kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các dự án thu hút vốn đầu tư kinh tế quan trọng thu hút các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh; các dự án đầu tư kinh tế kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác có lợi ích kinh tế và các lĩnh vực ngành nghề thành phố ưu tiên đầu tư.

5. Thực hiện ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, thu hồi, cấp phát vốn đầu tư, phát hành trái phiếu đô thị, trái phiếu công trình và các khoản vay thế chấp khác theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

6. Cung cấp các dịch vụ tài chính và tín dụng đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu.

7. Thí nghiệm thực hiện chức năng đi đầu của khu vực nhà nước đối với các công ty, công ty nhà nước, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các

công ty cổ phần chuyên biệt các công ty nhà nước công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

8. Kinh doanh bất động sản (chức vụ chính trị và lĩnh vực đầu tư có thể quy định phê duyệt).

9. Trường hợp các Thủ tục chính phủ chấp thuận, HFIC được giao quản lý Quản trị sản xuất và phát triển doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

10. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quy định của HFIC

1. Quy định của HFIC về vốn và tài sản:

a) Chi m h u, s d ng, nh o t v n và tài s n c a HFIC u t kinh doanh, th c hi n các l i ích h p pháp t v n và tài s n c a HFIC theo quy nh c a pháp lu t;

b) c s d ng v n, tài s n thu c quy n qu n lý c a HFIC u t ra ngoài theo quy nh t i i u l này và pháp lu t v u t ;

c) Qu n lý và s d ng các tài s n, ngu n l c c nhà n c giao ho c cho thuê là t ai, tài nguyên theo quy nh c a pháp lu t v t ai, tài nguyên;

d) Nhà n c không i u chuy n v n nhà n c u t t i HFIC và v n, tài s n c a HFIC theo ph ng th c không thanh toán, tr tr ng h p quy t nh t ch c l i HFIC ho c th c hi n m c tiêu cung ng s n ph m, d ch v công ích;

) Th c hi n các quy n khác i v i v n và tài s n theo quy nh c a pháp lu t.

2. Quy định của HFIC trong kinh doanh:

a) Ch ng t ch c kinh doanh, ph i h p kinh doanh, t ch c b máy qu n lý theo yêu c u kinh doanh và m b o kinh doanh có hi u qu ;

b) Kinh doanh nh ng ngành, ngh , l nh v c quy nh trong gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh; m r ng quy mô kinh doanh theo kh n ng, nhu c u c a th tr ng trong và ngoài n c phù h p v i quy nh c a pháp lu t và i u l này;

c) Quy t nh góp v n u t vào các d án, các t ch c kinh t ho t ng trong các l nh v c thu c ngành ngh kinh doanh c a HFIC theo th m quy n quy nh t i i u 37 i u l này;

d) S d ng ph n v n nhà n c thu v t c ph n hóa, nh ng bán m t ph n ho c toàn b v n mà HFIC ã u t n v tr c thu c, công ty con ho c công ty liên k t theo quy nh c a pháp lu t;

) Quy t  nh thu  m t  p h  n h  c to  n b   công ty kh  c v   i m   c v   n  n 10% v  n ch   s   h   u c  a HFIC; ti  p nh  n công ty kh  c t  ng uy  n tham gia li  n k  t sau khi c   s   ch   p thu  n c  a ng  i h  c t   ch   c quy t  nh th  nh l  p công ty;

e) Tuy  n ch  n, ký k  t h  p  ng lao  ng; b   tr  i, s   d  ng,  o t  o, khen th  ng, k   lu  t, ch   m   d   t h  p  ng lao  ng; l  a ch  n h  nh th  c tr   l  ng, th  ng cho ng  i lao  ng tr  n c   s   hi   u qu   s  n xu  t, kinh doanh v   c  c quy nh  c  a ph  p lu  t v   lao  ng, ti  n l  ng, ti  n công;

g) X  y d  ng, ban h  nh v    p d  ng c  c ti  u chu  n, quy tr  nh,  nh m  c kinh t   - k   thu  t,  nh m  c lao  ng,  n gi   ti  n l  ng v   chi ph   kh  c tr  n c   s   b  o   m hi   u qu   kinh doanh v   ph   h  p v   i quy nh  c  a ph  p lu  t;

h) C  c c  c quy  n kinh doanh kh  c theo nhu  c u   th   tr  ng v   ph   h  p v   i quy nh  c  a ph  p lu  t.

3. Quy  n c  a HFIC v   t  i ch  nh:

a) Huy  ng v  n  n kinh doanh d  i h  nh th  c ph  t h  nh tr  i phi  u; vay v  n c  a t   ch   c t  n d  ng v   c  c t   ch   c t  i ch  nh kh  c v   c  c h  nh th  c huy  ng v  n kh  c theo quy nh  c  a ph  p lu  t;

Vi  c huy  ng v  n  n kinh doanh th  c hi  n theo nguy  n t  c t   ch   u tr  ch nhi  m ho  n tr  , b  o   m hi   u qu   s   d  ng v  n huy  ng, kh  ng  c l  m thay i h  nh th  c s   h   u HFIC. Vi  c vay n   v  n c  a n  c ngo  i ph  i c   y   ki  n ph   duy t   ch   tr  ng c  a y   ban nh  n d  n th  nh ph   H   Ch   Minh v   c   y   ki  n th  m  nh, ch   p thu  n c  a B   T  i ch  nh;

b) Ch  ng s   d  ng v  n cho ho  t  ng kinh doanh c  a HFIC;  c th  nh l  p, s   d  ng v   qu  n l  y c  c qu  c  a HFIC theo quy nh  c  a ph  p lu  t v   ph   h  p v   i c   th   c  a ng  nh, l  nh v  c kinh doanh ch  nh.

Vi  c huy  ng v   s   d  ng c  c qu  c quy nh  t i Quy ch   Qu  n l  y t  i ch  nh c  a HFIC;

c)  c chi th  ng s  ng ki  n  i m  i, c  i ti  n k   thu  t, qu  n l  y v   công ngh  ; th  ng t  ng n  ng su  t lao  ng; th  ng ti  t ki  m v  t t   v   chi ph  . C  c kho  n ti  n th  ng n  y  c h   ch   to  n v  o chi ph   kinh doanh c  a HFIC,  c th  c hi  n m  t l  n v   i m  c th  ng t  i  a kh  ng qu   m  c hi   u qu   c  a s  ng ki  n  i m  i, c  i ti  n k   thu  t, qu  n l  y v   công ngh  , t  ng n  ng su  t lao  ng, ti  t ki  m v  t t   v   chi ph   mang l  i trong m  t n  m;

d)  c th  nh l  p c  c qu   t  i ch  nh t  p trung, bao g  m c  c qu   th  c hi  n c  c nhi  m v  c th   trong l  nh v  c, ng  nh ngh   kinh doanh theo quy nh  c  a ph  p lu  t c   li  n quan. Vi  c th  nh l  p v   s   d  ng c  c qu   n  y  c quy

nh t i quy ch qu n lý tài chính c a HFIC do y ban nhân thành ph H Chí Minh ban hành;

) Có các quy n khác v tài chính theo quy nh c a pháp lu t;

4. Các quy n khác c a HFIC:

a) Quy t nh thang, b ng l ng, n giá ti n l ng, ch tr l ng i v i ng i lao ng trên c s quy nh c a Nhà n c, tr các ch c danh ã quy nh t i kho n 3 i u 10;

b) Th c hi n quy n ch s h u i v i các công ty trách nhi m h u h n m t thành viên mà HFIC n m gi 100% v n i u l theo quy nh t i i u 39 i u l này;

c) Th c hi n quy n c a ch s h u i v i ph n v n u t vào doanh nghi p mà HFIC n m gi trên 50% v n i u l ho c n m gi không quá 50% v n i u l theo quy nh t i i u 40 i u l này;

d) Ph i h p v i c quan có th m quy n c phân c p qu n lý cán b th c hi n quy trình c , y quy n và ánh giá ho t ng c a Ng i i di n; mi n nhi m, khen th ng, k lu t Ng i i di n; quy t nh m c thù lao, th ng và các l i ích khác c a Ng i i di n t i các doanh nghi p c giao qu n lý. Tham gia l a ch n ng i i di n ph n v n t i các doanh nghi p thu c i t ng chuy n giao v n v HFIC. Cho ý ki n b ng v n b n Ng i i di n tham gia bi u quy t nh ng n i dung quy nh t i i u l này.

5. c thành l p Qu h tr s p x p doanh nghi p và t ch c qu n lý Qu theo quy nh hi n hành.

i u 14. Ngh a v c a HFIC

1. Th c hi n m c tiêu, nhi m v chính c Nhà n c giao; qu n lý, s d ng h p lý và có hi u qu các ngu n tài nguyên c giao, cho thuê; b o v môi tr ng; th c hi n quy nh pháp lu t có liên quan.

2. Ngh a v i v i v n và tài s n:

a) B o toàn và phát tri n v n nhà n c u t t i HFIC và v n HFIC t huy ng;

b) Ch u trách nhi m v các kho n n và các ngh a v tài s n khác c a HFIC trong ph m vi s tài s n c a công ty;

c) Ch u trách nhi m thu h i k p th i và y c n g c, n lãi, n phí theo quy t nh c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh và c a t ch c, cá nhân y thác trong tr ng h p th c hi n cho vay các d án do y ban nhân dân thành ph H Chí Minh ho c các t ch c, cá nhân y thác giao;

d) Tài sản của HFIC sẽ có ảnh hưởng gì khi có chủ trương của Nhà nước.

3. Nghĩa vụ trong kinh doanh

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký, bổ sung một lĩnh vực do HFIC thực hiện;

b) Áp dụng, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bổ sung quy định và lợi ích của người lao động và quy định tham gia quản lý công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Tuân theo các quy định của nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật;

f) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác đăng ký, rút thành lập doanh nghiệp khác;

g) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, công việc của HFIC trong kinh doanh theo quy định của pháp luật;

h) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, giá trị lương, chế độ lương hưu và lương hưu, Chế độ hưu, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác;

i) Chịu sự giám sát, kiểm tra của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và chấp hành các quy định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật;

4. Nghĩa vụ tài chính:

a) Thực hiện tài chính, kê khai và nộp thuế các khoản thu chi; đăng ký, kê khai và nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm vốn đầu tư vào công ty con và công ty khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do nhà nước giao, cho thuê;

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác thực hiện các nhiệm vụ công bố tài sản khi nhà nước yêu cầu;

d) Chấp hành ý chỉ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chi phí kế toán kế toán, kế toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp về các hoạt động tài chính của công ty;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định quy chế quản lý tài chính của công ty và quy định khác của pháp luật.

5. Thực hiện nghĩa vụ cách sử dụng vốn của các công ty trách nhiệm hữu hạn mà HFIC nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

6. Thực hiện nghĩa vụ cách sử dụng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn mà HFIC nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 40 Điều lệ này.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HFIC

Mục 1

HỘI NGŨ THÀNH VIÊN

Điều 15. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên là cơ quan quản lý và điều hành HFIC, quyết định những vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của HFIC trước các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan cấp phân cấp quản lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về mọi hoạt động và sự phát triển HFIC.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên theo khoản 1 Điều 68 Luật Doanh nghiệp quy định như sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của HFIC sau khi nghiên cứu và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của HFIC và giám sát, chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện, giám sát.

2. Quy định về việc xây dựng và sử dụng thành tựu; các giải pháp phát triển thương mại và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thương mại, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của HFIC với các công ty con (nếu có); bán tài sản của HFIC, các hợp đồng mua, bán, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị từ 2% đến 10% vốn chi sở hữu của HFIC.

3. Thông qua việc cho vay ưu đãi miễn thuế đối với các khoản vay từ 5% đến 15% vốn chi sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC.

4. Quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi thành lập và ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tổ chức thương mại.

5. Quy định về việc góp vốn đầu tư vào các dự án, các tổ chức kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh của HFIC theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 Điều lệ này.

6. Quy định các phương án huy động vốn có giá trị từ 5% đến 15% vốn chi sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC.

7. Quy định về cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh; biên chế bộ máy quản lý; ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ HFIC theo thẩm quyền.

8. Thành lập ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc HFIC.

Thẩm định ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền về phân cấp quản lý cán bộ quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng HFIC.

9. Cử, giao nhiệm vụ cho Người đại diện pháp nhân vốn góp của HFIC tại doanh nghiệp khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 20, Khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 99/2012/NQ-CP. Phân cấp về việc quản lý cán bộ phân cấp quản lý cán bộ thực hiện quy trình đánh giá hoạt động của Người đại diện; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quy định về mướn lao, thưởng và các lợi ích khác của Người đại diện vốn của HFIC tại các doanh nghiệp có giao quản lý. Tham gia lựa chọn người đại diện pháp nhân vốn UBND thành phố giao cho HFIC tại các doanh nghiệp chuyên giao thực hiện thí điểm các nhân sự đại diện chi sở hữu vốn nhà nước. Cho ý kiến bổ sung về bổ nhiệm Người đại diện tham gia biểu quyết thành viên nội dung quy định tại Điều lệ này.

10. Quy định về nhân sự quản lý đối với các công ty con theo quy định tại Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Điều lệ này.

11. Kiểm tra, giám sát Tổng giám đốc HFIC; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên do HFIC làm chủ sở hữu, người đi nhận vốn góp của HFIC doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định liên quan.

12. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của HFIC; báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty.

13. Xem xét, thông qua mức lãi suất cho vay tối thiểu của HFIC và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

Căn cứ mức lãi suất cho vay tối thiểu của HFIC do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, thông qua khung lãi suất cho vay của HFIC làm cơ sở cho Tổng Giám đốc quy định mức lãi suất cho vay tối thiểu theo định án thực theo nguyên tắc không vượt phần trăm lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

14. Ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng thành viên.

15. Ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của HFIC trên cơ sở nghị quyết của Tổng giám đốc. Riêng các khoản cho vay y thác có nguồn gốc từ ngân sách thành phố, việc y thác thực hiện theo Quy chế quản lý vay y thác do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành.

16. Quy định trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ của HFIC theo quy định hiện hành và Quy chế quản lý tài chính HFIC.

17. Quy định về nhân lực lao động, kế hoạch sử dụng lao động, ngân sách lương, quỹ lương kế hoạch, quỹ lương thực hiện, quỹ tiền thưởng của người lao động và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định. Trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch và quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của HFIC;

18. Quy định hoặc phê duyệt của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây phải được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận và chỉ định:

a) Quy định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của HFIC; việc đầu tư, bổ sung ngành nghề kinh doanh của HFIC; ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

b) Phê duyệt các quy định bán tài sản, hợp đồng mua, bán, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác trên mô hình quy định tại khoản 2 điều này;

c) Phê duyệt các phương án huy động vốn trên mô hình quy định tại khoản 6 điều này;

d) Các quy định quy định tại khoản 4 điều này; thay đổi cấu trúc của công ty con làm mất quyền chi phối của HFIC;

e) Quy định về việc chuyển vốn ra ngoài HFIC; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn ra ngoài của HFIC cho tổ chức, cá nhân khác;

f) Phê duyệt báo cáo quy định toán; phương án sử dụng tài sản sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của HFIC; phương án xử lý các khoản nợ trong quá trình kinh doanh;

g) Quy định về bổ sung, sửa đổi điều lệ HFIC.

19. Tổ chức thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chi phối thu nhập.

20. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của HFIC.

21. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và pháp luật về thực hiện quy định, nhiệm vụ của mình và việc phát triển của HFIC theo mô hình, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao.

22. Trưởng hợp đồng công ty thua lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc không thực hiện các mô hình, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao mà không giải trình nguyên nhân khách quan thì tuân theo mô hình, số cách chế độ của thị trường thì thi hành theo quy định của pháp luật.

23. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt chi trả nợ vay ngân sách ngoài;

24. Quy định về việc mời các chức danh do Hội đồng thành viên HFIC bổ nhiệm.

25. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ HFIC, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Số lượng thành viên không quá 5 người; Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định số lượng và chức vụ thành viên Hội đồng thành viên.

2. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam;

b) Tự nhiên, độc lập và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh của HFIC;

c) Có sức khỏe, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, hiu bí, pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

e) Không thuộc diện bị cấm nhiệm vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điều 6, c, d, e, g khoản 2 điều 13 Luật Doanh nghiệp;

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm hoặc thay thế.

4. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và thay thế trong những trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Trong trường hợp này Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không năng lực, trình độ kém nhàn công việc hoặc giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Xin thôi việc;

d) Khi có quy định ưu tiên hoặc bố trí công việc khác;

e) Không trung thực trong thực thi các quy định hoặc làm dấy ra vụ, quy định thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

f) Khi HFIC không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chất lượng do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao mà không giải trình nguyên nhân khách quan;

g) Các trường hợp khác theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quy định của Luật HFIC.

5. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy định, nhiệm vụ và pháp luật về các quy định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho HFIC và Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trở thành viên bị quy định không tán thành quy định này; thực hiện các nghĩa vụ quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Chức làm việc của Hội đồng thành viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Chức năng Hội đồng thành viên

1. Chức năng Hội đồng thành viên do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ định trong số các thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chức năng Hội đồng thành viên không kiêm Tổng giám đốc HFIC.

3. Chức năng Hội đồng thành viên thực hiện các quy định, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp và các quy định và nhiệm vụ khác quy định của Luật HFIC; có trách nhiệm giám sát và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc chỉ định hoặc không ký các quy định của Hội đồng thành viên.

4. Trường hợp Chức năng Hội đồng thành viên vắng mặt thì Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ định trong số các thành viên Hội đồng thành viên thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chức năng Hội đồng thành viên.

Điều 19. Chức làm việc của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; mỗi quý họp ít nhất một lần. Trường hợp cần thiết có thể họp bất thường khi Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên đề nghị.

2. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên có thể tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự trực tiếp. Trường hợp thành viên Hội đồng vắng mặt, có thể ủy quyền vắng mặt cho người đi nhậm thay và bị quy định thay các văn bản quy định.

3. Nghị quyết, quy định của Hội đồng thành viên có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên chấp thuận.

4. Các thủ tục trình và thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên. Nghị quyết, quy định của Hội đồng thành viên có tính bắt buộc thi hành đối với toàn bộ HFIC.

5. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý trong HFIC cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của HFIC và các nhân vật chủ chốt.

6. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc và con đường của Công ty thực hiện nhiệm vụ của mình.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phúc lợi và thù lao khác, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty.

8. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền thuê các dịch vụ ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trừ khi quy định khác của văn bản quản lý thu được từ quy định của Hội đồng thành viên.

Điều 20. Điều kiện tham gia quản lý công ty khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên chỉ có thể giữ chức danh quản lý doanh nghiệp khác khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đồng ý chấp thuận, tách biệt nhà nước có thẩm quyền ghi ý kiến vào các chức danh quản lý hoặc làm đi kèm của HFIC để vì lợi ích của góp phần vào doanh nghiệp. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, không được giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của doanh nghiệp.

2. Hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của HFIC ký kết với thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc phải được thông báo cho người bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc. Trường hợp người bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc phát hiện hợp đồng có mục đích lợi ích mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc phải bị thôi việc cho HFIC và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc HFIC

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quy định và nhiệm vụ giao vì lợi ích của HFIC và của Nhà nước;

b) Không c l i d ng ch c v , quy n h n s d ng v n và tài s n c a HFIC thu l i riêng cho b n thân và ng i khác; không c em tài s n c a HFIC cho ng i khác; không c ti t l bí m t c a HFIC trong th i gian ang th c hi n ch c trách c a mình và trong th i h n t i thi u là ba n m sau khi thôi làm Ch t ch H i ng thành viên, thành viên H i ng thành viên ho c T ng giám c, tr tr ng h p c H i ng thành viên ch p thu n;

c) Khi HFIC không thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác n h n ph i tr thì T ng giám c ph i báo cáo H i ng thành viên tìm bi n pháp kh c ph c khó kh n v tài chính và thông báo tình hình tài chính cho t t c ch n bi t. Khi tr ng h p này x y ra, H i ng thành viên và T ng giám c không c quy t nh t ng ti n l ng, không c trích l i nhu n tr ti n th ng cho cán b qu n lý và ng i lao ng có liên quan, ngo i tr tr ng h p các kho n n n h n ph i tr là do HFIC vay theo ch nh c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh;

d) Khi HFIC không thanh toán các kho n n và các ngh a v tài s n khác n h n ph i tr mà không th c hi n các quy nh t i i m c kho n này thì ph i ch u trách nhi m cá nhân v thi th i x y ra i v i ch n ;

) Tr ng h p Ch t ch H i ng thành viên, thành viên H i ng thành viên ho c T ng giám c vi ph m i u l HFIC, quy t nh v t th m quy n, l i d ng ch c v , quy n h n gây thi t h i cho HFIC và Nhà n c thì ph i b i th ng thi t h i theo quy nh c a pháp lu t và i u l HFIC;

e) Không c v ho c ch ng, b , m , con, anh, ch , em ru t c a mình gi ch c danh K toán tr ng, th qu c a HFIC.

2. Các thành viên H i ng thành viên ph i cùng ch u trách nhi m tr c y ban nhân dân thành ph H Chí Minh và tr c pháp lu t v các quy t nh c a H i ng thành viên, k t qu và hi u qu ho t ng c a HFIC.

3. Khi vi ph m m t trong các tr ng h p sau ây nh ng ch a n m c b truy c u trách nhi m hình s thì Ch t ch H i ng thành viên, các thành viên H i ng thành viên và T ng giám c không c th ng, không c nâng l ng và b x lý k lu t tùy theo m c vi ph m:

a) HFIC lâm vào tình tr ng b thua l ;

b) m t v n c a Nhà n c;

c) Không b o m ti n l ng và các ch khác cho ng i lao ng HFIC theo quy nh c a pháp lu t v lao ng;

d) x y ra các sai ph m v qu n lý v n, tài s n, v ch k toán, ki m toán và các ch khác do Nhà n c quy nh.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên thi u trách nhiệm, không thể hiện ủng hộ công nhân, nhiệm vụ và quyền lợi của mình mà dấn thân trong các vụ phạm tội khoản 3 của Điều này thì bị miễn nhiệm, tùy theo mức độ phạm và hậu quả phải bị đình chỉ thi u theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp HFIC lâm vào tình trạng liên tiếp hoặc không đạt tiêu chuẩn cần thiết như trên văn bản số 10/2008/Đ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao trong hai năm liên tiếp hoặc trong tình trạng liên tiếp, liên xen nhau nhưng không khắc phục được, trường hợp phải hoặc gì mất tiêu chuẩn cần thiết như trên văn bản số 10/2008/Đ-UBND có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp do chủ tịch theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên; trường hợp gì mất tiêu chuẩn cần thiết như trên văn bản số 10/2008/Đ-UBND có lý do khách quan gì trình và Ủy ban có thẩm quyền chấp thuận thì tùy theo mức độ phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc bị loại hoặc bị cách chức, đình chỉ phải bị đình chỉ thi u theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp HFIC lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng giám đốc không nộp yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng giám đốc không nộp mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng giám đốc nộp phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

7. Trường hợp HFIC thu c di n t ch c l i, gi i th h o c chuy n i s h u mà không tiến hành các thủ tục chuyển đổi, giải thể hoặc chuyển nhượng thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc bị miễn nhiệm.

M 2 KIỂM SOÁT VIÊN

Đ 22. Kiểm soát viên

1. HFIC có không quá ba (03) Kiểm soát viên do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bổ nhiệm, trong đó có một (01) Kiểm soát viên phụ trách chung lập kế hoạch công tác, phân công, chỉ đạo và công việc của các Kiểm soát viên.

2. Các Kiểm soát viên được chọn theo chuyên môn chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh khác hành tại HFIC.

3. Các Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của HFIC, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có kinh nghiệm thực tiễn kiểm soát và kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc kinh nghiệm thực tiễn quản lý nghiệp vụ trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty từ ba (03) năm trở lên và tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại các văn bản pháp luật liên quan;

d) Có sức khỏe, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, hiu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

4. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên là 3 năm, hội đồng thành viên có thể bổ nhiệm lại. Các Kiểm soát viên có năng lực, tín dụng hoặc được ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm soát viên có năng lực, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của HFIC. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Kiểm soát viên chuyên trách có thể kiêm nhiệm, phúc lợi và tham gia các hoạt động của HFIC như cán bộ, nhân viên khác tại HFIC.

6. Kiểm soát viên có sổ danh con dấu của HFIC cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thu thập về việc công việc, nhiệm vụ, quy định của Kiểm soát viên.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên

Thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên do ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BỘ MÁY GIÚP VI C, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH HFIC

Điều 24. Tổng giám đốc HFIC

1. Tổng giám đốc là người điều hành theo pháp luật của HFIC, điều hành hoạt động hàng ngày của HFIC theo mục tiêu, kế hoạch và các quy định, quy t

nh của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ HFIC; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trình pháp luật về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ của giao.

2. Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên.

3. Tổng giám đốc có nhiệm vụ nhiệm kỳ không quá 05 năm. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm hoặc thay thế Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

5. Tổng giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 của Điều lệ HFIC.

6. Tổng giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp và các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ HFIC.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển HFIC; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề kinh doanh của HFIC; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm của HFIC, kế hoạch phân phối kinh doanh với các doanh nghiệp thành viên; các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các dự án đầu tư, phân bổ các nguồn lực, chuẩn bị các ấn phẩm, tài liệu; đ. th. o. i. u. l., s. a. i. i. u. l. HFIC; đ. th. o. quy. ch. tài. chính. của HFIC; đ. th. o. các. quy. ch., quy. nh. thu. c. th. m. quy. n. ban. hành. của Hội đồng thành viên HFIC; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và kiểm tra việc thực hiện hệ thống tiêu, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, định giá tài sản, định giá sản phẩm, dịch vụ; chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thường kỳ, báo cáo tài chính của HFIC, báo cáo tài chính hợp nhất của HFIC, các ấn phẩm, dự án khác. Ban hành các quy định, quy định quản lý nội bộ của HFIC theo thẩm quyền.

2. Trình Hội đồng thành viên Hội đồng thành viên trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về HFIC.

3. Trình Hội đồng thành viên xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.

4. Quyết định các vấn đề Hội đồng thành viên phân công hoặc ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này.

5. Quyết định việc bán tài sản của HFIC; các hợp đồng mua, bán, thuê, cho thuê và hợp đồng kinh tế khác có giá trị dưới 2% vốn chủ sở hữu của HFIC;

6. Quy định về việc góp vốn vào các dự án, các tổ chức kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực thu hút ngành nghề kinh doanh của HFIC theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Luật này.

7. Quy định các phương án huy động vốn và quy định cho vay về lãi suất dự án có vốn cho vay dưới 5% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC.

8. Quy định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bồi thường, bồi thường lãi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm và phê duyệt về việc các chức danh theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

9. Nghĩa Hội đồng thành viên quy định công việc đi nhận vốn góp của HFIC doanh nghiệp khác.

10. Quy định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc.

11. Xét duyệt cán bộ, viên chức, người lao động của HFIC và nhân viên thu hút HFIC bên ngoài; Tiếp nhận các cá nhân, các đoàn thể bên ngoài làm việc với HFIC;

Có ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố quy định cho phép bên ngoài công tác, hợp tác, gửi quy định riêng về việc viên chức quản lý doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó giám đốc, kiểm soát viên, kế toán trưởng) của các doanh nghiệp Ủy ban nhân dân thành phố chuyển giao với HFIC thực hiện chức năng đi nhận chủ sở hữu vốn nhà nước.

12. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phát triển kinh doanh về các doanh nghiệp thành viên; công tác kiểm toán, thanh tra, báo cáo, quy định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quy định của Hội đồng thành viên và chủ sở hữu nhà nước; tiến hành hoạt động của HFIC nhằm thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng thành viên.

13. Ký kết các hợp đồng dân sự, kinh tế của HFIC. Việc các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc thì Tổng giám đốc phải ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quy định của Hội đồng thành viên.

14. Báo cáo trình Hội đồng thành viên về kết quả hoạt động kinh doanh của HFIC; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

15. Chủ tịch kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các thành viên khác của Hội đồng thành viên, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

16. Thành viên theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo về tình hình hoạt động của các thành viên theo sơ phân công hợp lý quy định của Hội đồng thành viên.

17. Các cấp áp dụng các biện pháp cần thiết, vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

18. Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quy định của Hội đồng thành viên.

Điều 26. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành HFIC

1. Khi thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho HFIC thì Tổng giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên xem xét và quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét và quyết định của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không đồng ý với nghị quyết, quy định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền báo lý do và kiến nghị lên Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngoài ra, Tổng giám đốc phải báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phát triển kinh tế của HFIC cho Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuyên đề các án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

Điều 27. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng HFIC

1. Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành HFIC theo phân công và quy định của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm về Tổng giám đốc và thực hiện pháp luật và nhiệm vụ của phân công hợp lý quy định. Vị trí quy định có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của HFIC phải được thành viên đồng ý.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ thực hiện công tác kế toán của HFIC; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính của HFIC theo pháp luật và tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm về Tổng giám đốc và thực hiện pháp luật và

nhiệm vụ công phân công hợp lý quy định. Tiêu chuẩn, quy định và trách nhiệm của Kế toán trưởng áp dụng theo Luật kế toán.

3. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có nhiệm vụ phối hợp với là 05 năm và có thể có nhiệm vụ khác. Chức năng, phạm vi trách nhiệm, vị trí công tác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được thể hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Bộ máy giúp việc và tham gia của người lao động vào quản lý điều hành HFIC

1. Bộ máy giúp việc có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc, bao gồm:

a) Các phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ của HFIC; số lượng, tên gọi và nhiệm vụ của các phòng (ban) do Tổng giám đốc quy định trên cơ sở sắp xếp tính toán và hoạt động có hiệu quả sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên.

b) Bộ phận thực hiện và pháp chế (tư pháp phòng) có chức năng tham mưu, giúp việc cho HFIC.

2. Người lao động tham gia quản lý HFIC thông qua các hình thức và tổ chức theo quy định của pháp luật sau:

- Hội nghị người lao động.

- Tổ chức Công đoàn.

- Ban Thanh tra nhân dân.

- Thể hiện quy định kinh doanh, khi cần thiết, báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng của Viên chức quản lý HFIC

1. Các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Giám sát viên chuyên trách, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hàng năm tính lương, thưởng theo năm. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên và Giám sát viên không chuyên trách hưởng thù lao theo công việc, theo thời gian làm việc hàng năm không vượt quá 20% tính lương của thành viên chuyên trách. Các thành viên Hội đồng thành viên, Giám sát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hàng năm hưởng theo nhiệm kỳ. Mức tính lương và tiền thưởng hàng năm với kết quả kinh doanh của công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoạt động giám sát.

2. Chức chi trả tính lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, viên chức quản lý có tổng mức lương 80% của số tiền lương, thù lao tính cho tháng đó; số 20% còn lại có quy tắc toán và chi trả vào cuối năm. Tiền thưởng có chi trả cho viên chức quản lý chuyên trách và không chuyên trách có căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của HFIC và các quy định khác của pháp luật, trong đó 90% tiền thưởng có thể trả vào cuối năm. Phần tiền thưởng còn lại (10%) có dùng thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ.

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, của Kiểm soát viên xác định theo quy định tại Nghị quyết số 51/2013/N-CP của Chính phủ hiện có trích nộp cho cơ sở hữu hình thành quy chung, trên cơ sở có cơ sở hữu chi trả cho Kiểm soát viên theo mức hoàn thành nhiệm vụ có giao;

b) Căn cứ quy định tiền lương, thù lao thực hiện và quy định tiền lương, thù lao đã tạm ứng cho viên chức quản lý, công ty xác định phần tiền lương, thù lao còn lại hàng tháng. Trường hợp đã tạm ứng vượt quá quy định tiền lương, thù lao thực hiện thì phải hoàn trả phần tiền lương, thù lao đã chi vượt ngay trong năm.

Phần tiền thưởng còn lại (10%) có dùng thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ theo mức hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị của viên chức quản lý.

Điều 30. Chi nhánh

1. Chi nhánh trong nước và ngoài nước của HFIC là các đơn vị trực thuộc, có tổ chức theo khu vực, phù hợp với quy mô và nhu cầu quản lý, hoạt động của HFIC, do Hội đồng thành viên quy định thành lập theo nghị quyết của Tổng giám đốc. Mỗi chi nhánh có Giám đốc, các Phó giám đốc và các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ. Tổng giám đốc bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc các chi nhánh theo phân công của Hội đồng thành viên.

2. Quy chế tổ chức, hoạt động của chi nhánh do Tổng giám đốc HFIC quy định.

Điều 31. Văn phòng đại diện

Văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước của HFIC là các đơn vị trực thuộc HFIC, do Hội đồng thành viên quy định thành lập theo nghị quyết của Tổng giám đốc thực hiện mặt sản xuất công việc theo phân công của Tổng giám đốc và không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kinh doanh.

Điều 32. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các bộ phận chức năng, nghiệp vụ, công ty thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện của HFIC

Việc tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo các bộ phận chức năng nghiệp vụ của HFIC; các chức danh lãnh đạo công ty thành

viên, chi nhánh, văn phòng chi địa của HFIC thể hiện theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền và công tác cán bộ, phân công của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc

Điều 33. Cử người đại diện phần vốn của HFIC tại các doanh nghiệp

Việc cử người chi địa phần vốn của HFIC tại các doanh nghiệp khác thể hiện theo quy định của các Nghị định có liên quan, của Ủy ban HFIC, Quy chế hoạt động và Nghị định chi địa theo quy định của doanh nghiệp có vốn góp của HFIC và các quy định hiện hành về cử người chi địa.

Chương V HỌ TÊN NGƯỜI ĐÀO TẠO VÀ LIÊN KẾT CÔNG TY Mục 1 HỌ TÊN NGƯỜI ĐÀO TẠO

Điều 34. Nguyên tắc đầu tư

1. Lựa chọn và quy định phương án đầu tư theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tránh hình thức chi các nhiệm vụ đầu tư có mục tiêu chính trị - xã hội do Chi cục giao, HFIC phải thực hiện theo dõi xác minh rõ kết quả vì chi thể hiện nhiệm vụ này, báo cáo và trình Chi cục xem xét, quy định các văn bản có liên quan.

Điều 35. Hình thức đầu tư

1. Đầu tư vào các dự án xây dựng, mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật và quy định dự án đầu tư, xây dựng;

2. Đầu tư thành lập doanh nghiệp mới;

3. Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết; mua cổ phần hoặc góp vốn tại các doanh nghiệp đang hoạt động;

4. Đầu tư mua một phần tài sản hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác;

5. Đầu tư thông qua việc mua, bán cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác;

6. Liên kết, nhân nhượng hoặc ủy thác cho các tổ chức kinh tế khác;

7. Đầu tư với cách là cho đầu tư hoặc tham gia góp vốn vào các tổ chức khác đầu tư và chịu trách nhiệm quy định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

8. Đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP), hợp tác kinh doanh (BCC), hợp tác xây dựng - chuyển giao (BT), hợp tác xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp tác xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO);

9. Tìm kiếm đầu tư, thực hiện các công việc chủ yếu sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng quyền đầu tư khác thực hiện đầu tư;

10. Đầu tư vào các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chuyển giao (bao gồm phần vốn từ nhân bản đầu tư và vốn đầu tư bổ sung);

11. Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Giới hạn đầu tư

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án theo chiến lược Quốc gia phát triển nông nghiệp Tiểu Tyti, Timia, Khoản 15, Điều 2 Điều 1 này là bằng 50% vốn chi sẻ của HFIC từ thị trường chứng khoán;

2. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế theo chiến lược Quốc gia phát triển nông nghiệp Tiểu Tyti, Timia, Khoản 15, Điều 2 Điều 1 này là bằng 20% vốn chi sẻ của HFIC từ thị trường chứng khoán;

3. Tổng hợp HFIC thực hiện ngành đầu tư vốn chi sẻ và cho vay vì mục đích đầu tư nông nghiệp giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không vượt quá 30% vốn chi sẻ của HFIC từ thị trường chứng khoán;

4. Về việc đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định giới hạn cho vay, đầu tư khác về quy định của Điều 1 này thì thực hiện theo các quy định thị trường tài chính quốc tế.

Điều 37. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Về việc hoạt động đầu tư nông nghiệp Tiểu Tyti, Timia, Khoản 15, Điều 2 Điều 1 này:

a) Mức vốn đầu tư trực tiếp vào dự án đầu tư, doanh nghiệp đầu tư thực hiện duy nhất dự án có giá trị trên 10% vốn chi sẻ của HFIC do Ủy ban nhân dân thành phố quy định;

b) Mức vốn đầu tư trực tiếp vào dự án đầu tư, doanh nghiệp đầu tư thực hiện duy nhất dự án có giá trị từ 2% đến 10% vốn chi sẻ của HFIC do Hội đồng thành viên HFIC quyết định nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

c) Mức vốn đầu tư trực tiếp vào dự án đầu tư, doanh nghiệp đầu tư thực hiện duy nhất dự án có giá trị dưới 2% vốn chi sẻ của HFIC do Tổng Giám đốc HFIC quyết định.

2. Hoạt động đầu tư vào các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố chuyển giao nêu tại điểm b, Khoản 15, Điều 2 Điều lệ này thực hiện theo chế độ quản lý theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố trong tình hình thực tế.

3. Đối với các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản thuộc thẩm quyền của HFIC:

a) Mua sắm đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chi sở hữu do Ủy ban nhân dân thành phố quy định;

b) Mua sắm đầu tư vào một dự án có giá trị từ 2% đến 10% vốn chi sở hữu của HFIC do Hội đồng thành viên HFIC quy định nhưng không quá mức dự án nhóm B theo quy định của pháp luật quản lý dự án đầu tư, xây dựng;

c) Mua sắm đầu tư vào một dự án có giá trị dưới 2% vốn chi sở hữu của HFIC do Tổng Giám đốc HFIC quy định;

4. Đối với các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (ngoại trừ các khoản đầu tư nêu tại Điều 15 Điều 2 Điều lệ này): Hội đồng thành viên HFIC quy định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp sau khi đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chấp thuận.

5. Việc góp vốn vào các tổ chức kinh tế trên mức chi phí, góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty nước ngoài, mua công ty thu nhập kinh tế khác, đầu tư vào các hoạt động ngoài các lĩnh vực thu nhập ngành nghề kinh doanh của HFIC do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quy định.

6. Các quy định đầu tư vốn tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này không áp dụng đối với các quy định về cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán, bán vốn (thu nhập vốn) của khoản đầu tư.

7. Tình hình khi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhưng thanh toán giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp (sau khi đã bù trừ đối phòng tính thuế khoản đầu tư vốn theo quy định và các lợi ích thu được từ đầu tư vốn), HFIC phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quy định.

8. Tình hình doanh nghiệp khác tung vốn đầu tư:

a) Đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quy định của HFIC mà HFIC không có nhu cầu bổ sung vốn thì HFIC xem xét, quy định chuyển nhượng quy định mua, quy định góp vốn theo quy định của pháp luật.

b) i v i các kho n u t vào doanh nghi p khác thu c th m quy n quy t nh c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh, HFIC s th c hi n theo quy t nh c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh.

i u 38. u t vào l nh v c tài chính

HFIC c góp v n, mua c ph n t i ngân hàng, công ty b o hi m, công ty ch ng khoán, Qu u t m o hi m, qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán ho c u t vào l nh v c b t ng s n sau khi có ý ki n ch p thu n c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh.

M c 2

QU N LÝ C A HFIC I V I CÁC DOANH NGHI P CÓ V N GÓP C A HFIC

Điều 39. Quản lý của HFIC đối với doanh nghiệp mà HFIC nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Các quy n, trách nhi m c a HFIC.

a) Quy t nh thành l p, m c tiêu, nhi m v và ngành, ngh kinh doanh; t ch c l i, chuy n i s h u, gi i th và yêu c u phá s n sau khi c c p có th m quy n phê duy t.

b) Phê duy t ch tr ng u t ra ngoài doanh nghi p.

c) Phê duy t i u l , s a i và b sung i u l .

d) Quy t nh u t v n i u l ; i u ch nh, chuy n nh ng m t ph n ho c toàn b v n i u l sau khi ph ng án c c p có th m quy n phê duy t.

) Phê duy t chi n l c, k ho ch s n xu t kinh doanh và k ho ch u t phát tri n 5 n m.

e) Phê duy t ch tr ng vay, cho vay, mua, bán tài s n có giá tr b ng ho c l n h n 50% v n i u l c a công ty ho c m t t l khác nh h n quy nh t i i u l c a công ty.

g) Phê duy t báo cáo tài chính hàng n m, phân ph i l i nhu n, trích l p và s d ng các qu .

h) Tham gia ý ki n v i t ch c cá nhân ng i có th m quy n quy t nh ho c b nhi m v c c u t ch c b máy, nhân s là viên ch c qu n lý doanh nghi p theo phân công phân c p. Ki m tra, th m nh ho c có ý ki n v i c quan có th m quy n qu t i n l ng, thù lao th c hi n, qu t i n th ng c a viên

chức quản lý doanh nghiệp; giám sát, kiểm tra báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, kiểm soát viên và quản lý kinh doanh.

i) Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn của công ty. Đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng công ty.

k) Các quy định khác theo quy định của pháp luật

2. Nghĩa vụ của HFIC.

a) Ưu tiên lợi ích cho công ty.

b) Tuân thủ luật công ty

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đầu tư của công ty; xác nhận và tách biệt tài sản của HFIC và tài sản của công ty.

d) Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chi trả nợ, mua, bán tài sản và huy động vay, cho vay của công ty.

e) Đảm bảo quy định kinh doanh theo pháp luật của công ty.

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quản lý của HFIC đối với doanh nghiệp khác

1. Quy định và trách nhiệm của HFIC đối với doanh nghiệp mà HFIC nắm giữ trên 50% vốn đầu tư.

a) Quy định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của HFIC ưu tiên đối với doanh nghiệp khác theo phân phối vốn này; thực hiện các quy định của công đồng, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và luật của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà HFIC đã góp vào doanh nghiệp.

b) Công đồng giám đốc sau khi được có thẩm quyền có văn bản nghị quyết và thực hiện các quy định của công đồng, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc sau khi có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền và quản lý nhân sự phân phối; quy định thành phần, chức vụ và các lợi ích khác của Giám đốc; đánh giá hiệu quả Giám đốc.

c) Yêu cầu Giám đốc thực hiện các nội dung đã giao quy định tại điều này, trả lời báo cáo đầu tư của doanh nghiệp có quy định khác;

báo cáo nh k ho c t xu t tình hình u t , tài chính, hi u qu s d ng v n nhà n c, k t qu kinh doanh c a doanh nghi p.

d) HFIC giao nhi m v cho ng i i di n v n c a HFIC nghiê n c u quy t nh các v n phát sinh t i doanh nghi p, tr các v n sau ng i i di n ph i xin ý ki n c a HFIC tr c khi quy t nh:

- M c tiêu, nhi m v và ngành, ngh kinh doanh; t ch c l i, gi i th và yêu c u phá s n doanh nghi p;

- i u l , s a i và b sung i u l c a doanh nghi p;

- Vi c t ng ho c gi m v n i u l ; th i i m và ph ng th c huy ng v n; lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i c quy n chào bán; vi c mua l i trên 10% t ng s c ph n ã bán c a m i lo i;

- Vi c c b u, ki n ngh mi n nhi m, bãi nhi m, khen th ng, x lý vi ph m c a thành viên H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng thành viên, Thành viên Ban Ki m soát. c b nhi m, ki n ngh mi n nhi m, ký h p ng, ch m d t h p ng v i T ng giám c (Giám c) doanh nghi p. Thù lao, ti n l ng, ti n th ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên H i ng thành viên, thành viên Ban Ki m soát, T ng giám c (Giám c) doanh nghi p; s l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Phó T ng giám c (Phó giám c) doanh nghi p;

- Chi n l c, k ho ch s n xu t kinh doanh và k ho ch u t phát tri n 5 n m và hàng n m c a doanh nghi p; danh m c các đ án u t nhóm A, B hàng n m;

- Ch tr ng góp v n, n m gi , t ng, gi m v n HFIC u t vào doanh nghi p khác; thành l p, t ch c l i, gi i th chi nhánh, v n phòng i di n và các n v h ch toán ph thu c khác; vi c ti p nh n doanh nghi p t nguy n tham gia làm công ty con, công ty liên k t;

- Ch tr ng mua, bán tài s n và h p ng vay, cho vay có giá tr b ng ho c h n 50% v n i u l c a doanh nghi p ho c m t t l nh h n quy nh t i i u l c a doanh nghi p; ch tr ng vay n n c ngoài c a doanh nghi p;

- Báo cáo tài chính, phân ph i l i nhu n, trích l p và s d ng các qu , m c c t c hàng n m;

- Ch tuy n d ng; ch thù lao, ti n l ng, ti n th ng c a doanh nghi p.

)Yêu c u Ng i i di n báo cáo th c hi n giám sát, ki m tra th ng xuyên và thanh tra theo quy nh vi c ch p hành pháp lu t; vi c qu n lý, s

đồng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp; vì thế chỉ nên chỉ định, bổ nhiệm; đánh giá vì thế chỉ nên mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản, kết quả hoạt động, hiệu suất kinh doanh.

2. Quy định và trách nhiệm của HFIC đối với doanh nghiệp mà HFIC nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

a) Quy định về việc góp vốn, chuyển nhượng vốn HFIC xuất phát từ doanh nghiệp khác theo phân cấp thẩm quyền này; thể hiện các quy định của công, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà HFIC đã góp vào doanh nghiệp.

b) Công nhận lợi ích sau khi thực hiện có thẩm quyền có văn bản đồng ý về chức vụ thể hiện các quy định của công, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đi nhiệm tại doanh nghiệp; quy định thưởng, phạt và các lợi ích khác của Người đi nhiệm; đánh giá hiệu quả công việc.

c) Yêu cầu Người đi nhiệm thể hiện các nội dung đã cơ bản quy định tại Điều khoản này, trình bày hợp lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo kết quả hoạt động tình hình xuất, tài chính, hiệu suất đồng vốn nhà nước, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d) HFIC giao nhiệm vụ cho Người đi nhiệm tham gia biên soạn quy định các nội dung sau của doanh nghiệp:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức, nội bộ và yêu cầu phát triển doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc tổ chức hoạt động kinh doanh; thẩm quyền và phân công nhiệm vụ; việc mua sắm trên 10% tổng số vốn đã bán của công ty;

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thủ lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chi n l c, k ho ch s n xu t kinh doanh và k ho ch u t phát tri n 5 n m và hàng n m c a doanh nghi p;

- Ch tr ng thành l p công ty con; thành l p, t ch c l i, gi i th chi nhánh, v n phòng i di n;

- Ch tr ng u t , mua, bán tài s n và h p ng vay, cho vay có giá tr b ng ho c l n h n 50% t ng giá tr tài s n c ghi trong báo cáo tài chính t i th i i m công b g n nh t c a doanh nghi p ho c m t t l khác nh h n c quy nh t i i u l c a doanh nghi p;

- Báo cáo tài chính h ng n m, vi c phân ph i l i nhu n, trích l p và s d ng các qu , m c c t c h ng n m c a doanh nghi p.

)Yêu c u Ng i i di n báo cáo th c hi n giám sát, ki m tra th ng xuyên, ánh giá hi u qu s d ng v n HFIC t i doanh nghi p.

Điều 41. Phương thức thực hiện quản lý vốn HFIC đầu tư tại doanh nghiệp

1. HFIC tr c ti p qu n lý ho c th c hi n qu n lý v n HFIC t i doanh nghi p thông qua h th ng Ng i i di n theo quy nh pháp lu t hi n hành, i u l c a HFIC và Quy ch Ng i i di n do H i ng thành viên HFIC ban hành.

2. Các hình th c c , y quy n Ng i i di n: Th c hi n theo các quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ch ng VI CHO VAY U T

Điều 42. Hoạt động cho vay đầu tư

HFIC th c hi n cho vay u t theo các quy nh i v i ho t ng cho vay u t c a các Qu u t phát tri n a ph ng.

Điều 43. Đối tượng cho vay

Cho vay i v i các d án thu c các l nh v c u t k t c u h t ng k thu t, h t ng xã h i, các d án thu c các ngành kinh t quan tr ng thu c các ch ng trình, m c tiêu theo chi n l c, k ho ch phát tri n kinh t - xã h i c a Thành ph H Chí Minh; các d án u t k t c u h t ng k thu t, h t ng xã h i khác có hi u qu kinh t và các l nh v c ngành ngh thành ph u tiên u t .

Điều 44. Điều kiện cho vay

1. HFIC chỉ cho vay khi chủ tịch UBND có các điều kiện bên sau đây:

- a) Đã hoàn thành thủ tục theo quy định của pháp luật;
- b) Có phương án bảo đảm;
- c) Có cam kết mua bảo hiểm về tài sản hình thành từ vốn vay thuộc lĩnh vực mua bảo hiểm bất động sản công ty bảo hiểm có phép hoạt động tại Việt Nam;
- d) Chủ tịch là các tổ chức có trách nhiệm hoặc các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế hoặc các tổ chức theo chức năng ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trước khi cho vay các dự án chủ tịch, HFIC phải xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh, dự án chủ tịch và khả năng hoàn trả của khách hàng quy định cho vay.

3. Về việc các dự án cho vay theo chức năng ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nếu xét thấy không có hiệu quả, không có khả năng hoàn trả nợ vay công cộng và lãi thì phải báo cáo về Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quy định.

Điều 45. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay là trên 1 năm đến 15 năm, được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với các dự án sản xuất kinh doanh cá nhân dự án và khả năng trả của khách hàng. Trường hợp bị trễ hạn trên 15 năm do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định.

Điều 46. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay của HFIC được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các ngân hàng, mức bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của HFIC và bảo toàn, phát triển ngân hàng chủ tịch.

2. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc trình Hội đồng Thành viên phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của HFIC.

3. HFIC quy định mức lãi suất cho vay về việc đầu tư dự án cá nhân, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định theo quy định tại Khoản 2 điều này.

4. Mức lãi suất cho vay do HFIC và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật và quy định tại khoản 3 của Điều này.

5. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định cho vay dự án xuất phát từ lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 2 của Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của HFIC và lãi suất cho vay dự án đó.

6. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định cho trình hồ sơ lãi suất sau xuất phát từ việc miễn giảm thuế thì phải miễn bỏ các điều kiện sau:

a) Việc công nhận hồ sơ lãi suất sau xuất là cho xuất vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực ưu tiên kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố.

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định cho lãi suất sau xuất phát từ việc miễn giảm thuế, trong đó phải quy định rõ: việc công nhận hồ sơ; phương thức, thời gian và mức cho lãi suất sau xuất; nhiệm vụ, quy định của HFIC trong việc thẩm định và ghi ngân hàng cho lãi suất sau xuất; nghĩa vụ, trách nhiệm của việc công nhận hồ sơ và của các bên có liên quan khác.

c) Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm bố trí ngân sách hỗ trợ lãi suất sau xuất cho HFIC theo quy định tại Điều 6 của Khoản này, miễn không nhúng ngân sách của HFIC.

7. Việc miễn giảm thuế ưu đãi cho các nhà tài trợ có quy định về lãi suất cho vay khác với các quy định tại các khoản nêu trên của Điều này thì HFIC thực hiện theo các quy định đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 47. Bảo đảm tiền vay

Tùy thuộc vào từng dự án thuế, HFIC sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Quy định về cho vay hợp vốn

HFIC có làm chủ cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Chủ đầu tư phát triển thành phố, tổ chức tín dụng và tổ chức khác cho vay dự án theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Nghị quyết 37/2013/N-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 49. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định việc cho vay đối với lĩnh vực đầu tư có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC và mức sử dụng hợp lý.

2. Hội đồng thành viên quyết định việc cho vay đối với lĩnh vực đầu tư có mức vốn cho vay từ 5% đến 15% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC.

3. Tổng giám đốc quyết định việc cho vay đối với lĩnh vực đầu tư có mức vốn cho vay dưới 5% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của HFIC.

4. Các quy định cho vay tại khoản 1, 2, 3 của Điều này cũng là các quy định cho các điều kiện cho vay ưu tiên, hình thức cho vay, lãi suất, bảo đảm tín dụng và gia hạn nợ.

Điều 50. Giới hạn cho vay đầu tư

1. Giới hạn cho vay đối với lĩnh vực đầu tư không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của HFIC đối với lĩnh vực chi nhánh và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của đơn vị. Trường hợp HFIC thực hiện nghiệp vụ trực tiếp và cho vay đối với lĩnh vực đầu tư thì giới hạn trực tiếp và cho vay không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của HFIC đối với lĩnh vực chi nhánh.

2. Tổng mức đầu tư cho vay đối với lĩnh vực khách hàng của HFIC không vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của HFIC.

3. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của HFIC hoặc khách hàng có nhu cầu huy động vốn từ nhiều ngân hàng thì HFIC được cho vay hợp vốn theo quy định theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định của nhà tài trợ ký kết với nhà tài trợ.

Điều 51. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay ưu tiên

HFIC thực hiện việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay ưu tiên theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Xử lý rủi ro

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của HFIC do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

1. Trường hợp do chính sách nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp khách hàng gặp khó khăn trong trả nợ thì khách hàng được xem xét gia hạn nợ; xoá, giảm lãi tiền vay; khoan nợ.

2. Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà khách hàng không trả nợ và các quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Suspend các nguồn tài chính của khách hàng theo quy định thu hồi nợ;

b) Thông báo tình trạng quan bảo hiểm (nếu có);

c) Xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho vay theo khoản 3, điều 44 của Luật này doanh nghiệp khách hàng không có khả năng trả nợ thì sau khi HFIC thực hiện yêu cầu biện pháp thu hồi mà vẫn không trả nợ thì HFIC phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quy trình.

Điều 53. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cơ quan quy trình cho vay thì quy trình gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay. Trường hợp khách hàng ngừng gia hạn nợ quá thời gian này do nguyên nhân khách quan và thời hạn kỳ hạn cho khách hàng có khả năng trả nợ thì Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét quy trình.

2. Tổng giám đốc quy trình việc điều chỉnh hạn trên gốc, nhưng không làm thay đổi thời gian cho vay và quy trình việc điều chỉnh hạn trên lãi, gia hạn trên lãi.

3. Hội đồng thành viên quy trình việc giảm hoặc xoá nợ lãi, ngoại trừ các dự án cho vay theo chương trình của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thì phải trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quy trình.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy trình việc khoan nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quy trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Ch ng VII CÁC HO T NG KHÁC

Điều 54. Nhận uỷ thác và uỷ thác đầu tư

1. HFIC c nh n y thác: qu n lý ngu n v n u t , cho vay u t , thu h i n , c p phát v n u t cho các công trình, d án t ngân sách nhà n c, Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam, các doanh nghi p và các t ch c, cá nhân trong và ngoài n c thông qua h p ng nh n u thác gi a HFIC và các t ch c, cá nhân y thác.

2. HFIC c y thác cho các t ch c tín d ng và Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam th c hi n cho vay và thu h i n c a m t s d án thu c i t ng vay v n c a HFIC thông qua h p ng u thác gi a HFIC v i t ch c nh n u thác;

3. N i dung nh n y thác và y thác (bao g m nguyên t c, i t ng, khung phí y thác và nh n y thác...) c th c hi n theo quy ch v y thác và nh n y thác do H i ng thành viên phê duy t. Riêng các kho n vay y thác có ngu n g c t ngân sách thành ph , vi c y thác s th c hi n theo quy ch qu n lý v n y thác do y ban nhân dân thành ph H Chí Minh ban hành.

4. HFIC c th c hi n phát hành trái phi u ô th , trái phi u công trình và các nghi p v khác theo y quy n c a y ban nhân dân thành ph H Chí Minh.

5. HFIC c nh n y thác qu n lý ho t ng c a Qu b o lãnh tín d ng cho các doanh nghi p nh và v a; Qu phát tri n nhà , Qu phát tri n t, Qu h tr phát tri n H p tác xã và các Qu tài chính a ph ng khác do y ban nhân dân thành ph H Chí Minh thành l p. Vi c y thác cho HFIC c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Điều 55. Tư vấn tài chính

HFIC c ký h p ng t v n cung c p d ch v tài chính v i khách hàng theo quy nh c a pháp lu t; c h ng phí theo th a thu n v i khách hàng.

Điều 56. Hợp tác quốc tế

1. Ph i h p v i các i tác có liên quan t ch c các di n àn h p tác u t trao i kinh nghi m trong quá trình qu n tr kinh doanh, qu n lý doanh nghi p.

2. Th c hi n vi c àm phán, ký k t, ti p nh n các kho n vi n tr , tài tr c a n c ngoài và t ch c qu c t khi c y quy n theo quy nh c a pháp lu t, qu n lý s d ng các ngu n v n có hi u qu .

3. Tham gia các dự án kinh tế, dự án xuất khẩu.

4. Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII **VỐN, QUẢN LÝ VÀ TÀI SẢN CỦA HFIC**

Điều 57. Vốn của HFIC

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn đầu tư ban đầu: 5.000 (năm nghìn) tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn và tài sản của Quỹ đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (HIFU) bàn giao sang HFIC;

- Vốn tiếp nhận từ các công ty, công ty nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, các công ty cổ phần chuyển đổi các công ty nhà nước cổ lập trình thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Vốn do ngân sách thành phố cấp bổ sung cho vốn đầu tư;

b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;

c) Quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận sau thuế của HFIC;

d) Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ nhà nước.

2. Vốn huy động:

Vốn huy động bằng các hình thức phát hành trái phiếu, vay vốn, nhận vốn góp liên doanh, liên kết và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Vốn nhận từ thặng dư ngân sách thành phố và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Hình thức huy động vốn

1. HFIC thực hiện huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về các hình thức:

a) Phát hành trái phiếu;

b) Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng;

c) Tiếp nhận các nguồn tài trợ;

d) Nhận vốn ưu đãi ưu đãi, nhận hình phạt vốn cho vay từ các tổ chức tín dụng.

) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc vay vốn ngân hàng ngoài nước hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay vốn ngân hàng ngoài.

Điều 59. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định về việc phê duyệt phương án huy động vốn có giá trị trên 15% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính ngân hàng của HFIC.

2. Hội đồng thành viên HFIC quyết định về việc phê duyệt phương án huy động vốn có giá trị từ 5% đến 15% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính ngân hàng của HFIC.

3. Tổng giám đốc HFIC quyết định về việc phê duyệt phương án huy động vốn có giá trị dưới 5% vốn chủ sở hữu được ghi trong báo cáo tài chính ngân hàng của HFIC.

Điều 60. Giới hạn huy động vốn

HFIC được quy định hạn huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh mà bỏ sót trên phạm vi trên vốn chủ sở hữu của công ty không vượt quá 3 lần, bao gồm các khoản bỏ lãnh vay vốn về việc doanh nghiệp có vốn góp của HFIC.

Điều 61. Hội đồng thành viên HFIC chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả các nguồn vốn của HFIC.

HFIC được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phù hợp với yêu cầu hoạt động và kinh doanh vốn của HFIC.

Điều 62. HFIC thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn nhà nước của HFIC, trích lập các khoản dự phòng rủi ro bù đắp tổn thất thiệt hại khách quan trong quá trình hoạt động kinh doanh của HFIC.

Điều 63. Việc quản lý đầu tư xây dựng, mua sắm thanh lý nhượng bán tài sản, quản lý chi phí của HFIC thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của HFIC.

Chương IX

TÀI CHÍNH C A HFIC

đ u 64. N m tài chính c a HFIC b t u t ngày 01 tháng 01 hàng n m (theo n m đ ng l ch) và k t thúc vào cu i ngày 31 tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng n m. HFIC qu n lý v n, ngu n v n và tài s n theo quy ch qu n lý tài chính c a công ty.

C n c k ho ch s n xu t kinh doanh n m ti p theo c H i ng thành viên quy t nh, HFIC th c hi n ánh giá tình hình s n xu t kinh doanh n m báo cáo và l p k ho ch tài chính cho n m k ti p g i y ban nhân dân thành ph H Chí Minh và S Tài chính (Chi c c Tài chính doanh nghi p) tr c ngày 31 tháng 7 hàng n m.

đ u 65. K t qu tài chính c a HFIC là s chênh l ch gi a t ng thu nh p và t ng chi phí.

Sau khi th c hi n y các ngh a v n p thu và chi tr các ngh a v tài chính khác theo quy nh c a pháp lu t, l i nhu n còn l i c a HFIC c phân ph i trích l p các qu theo quy nh c a pháp lu t và quy ch qu n lý tài chính c a HFIC.

đ u 66. Cu i n m tài chính, HFIC l p báo cáo tài chính trình H i ng thành viên và y ban nhân dân thành ph H Chí Minh thông qua và g i các c quan có th m quy n theo quy nh c a pháp lu t.

đ u 67. HFIC th c hi n ch ki m toán và công khai tài chính theo quy nh.

đ u 68. Ch ti n l ng và thu nh p c a ng i lao ng trong HFIC

Thu nh p c a ng i lao ng g m ti n l ng, ti n th ng do thành tích óng góp làm gia t ng giá tr doanh nghi p và giá tr v n u t , các kho n ph c p, tr c p khác theo quy nh.

T ng giám c HFIC t ch c rà soát, s a i, b sung ho c ban hành m i quy ch tr l ng, quy ch th ng sau khi có ý ki n c a H i ng thành viên; th c hi n tr l ng, th ng cho ng i lao ng theo quy ch tr l ng, th ng c a công ty.

Chương X

TỔ CHỨC LẠI, ĐA DẠNG HOÁ SỞ HỮU, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN HFIC

Điều 69. Tổ chức lại HFIC

1. Các hình thức tổ chức lại HFIC bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức lại HFIC do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị Hội đồng thành viên HFIC và thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định biện pháp tổ chức lại HFIC theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Đa dạng hoá sở hữu HFIC

1. HFIC thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý trong trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định chuyển đổi, bán toàn bộ HFIC.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 71. Giải thể HFIC

1. HFIC bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài không có khả năng xoay chuyển tình hình và không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh;

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) Việc tiếp tục duy trì HFIC là không cần thiết.

2. HFIC thực hiện giải thể khi hoàn thành toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định giải thể HFIC theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục giải thể HFIC theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Phá sản HFIC

Trường hợp HFIC mất khả năng thanh toán nợ ngắn hạn phải trả, mặc dù đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết nhưng vẫn không có khả năng thanh toán các khoản nợ này thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản.

Ch ng XI

I U KHO N THI HÀNH

Điều 73. Hiệu lực

1. i u l này có hi u l c k t ngày y ban nhân dân thành ph H Chí Minh ký quy t nh ban hành.

2. i u l này thay th i u l ban hành t i Quy t nh s 4952/Q - UBND ngày 05 tháng 11 n m 2010 c a y ban nhân dân Thành ph H Chí Minh.

3. Tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan ch a c c p n ho c có s thay i v các quy nh c a pháp lu t trái v i nh ng i u, Kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a HFIC.

Điều 74. Hiệu lực chuyển tiếp

Các ho t ng c a HFIC tri n khai tr c khi i u l này có hi u l c c ti p t c áp d ng cho n th i i m k t thúc v i c ã c phê duy t ho c th a thu n. Các th a thu n, h p ng ký k t l i ph i tuân th các quy nh c a i u l này.

Điều 75. Sửa đổi điều lệ

1. Khi có yêu c u s a i, b sung i u l cho phù h p v i tình hình ho t ng c a công ty ho c có s thay i v quy nh c a pháp lu t; H i ng thành viên có v n b n ngh y ban nhân dân thành ph H Chí Minh xem xét s a i, b sung.

2. Khi có m t trong nh ng yêu c u t i kho n l i u này, H i ng thành viên HFIC có trách nhi m ch ng rà soát chu n b n i dung ngh các S , ban ngành c a thành ph xem xét tr c khi xu t y ban nhân dân thành ph H Chí Minh ra quy t nh.

Điều 76. Trách nhiệm thi hành

H i ng thành viên, T ng Giám c HFIC, ki m soát viên, các t ch c, cá nhân có liên quan có ngh a v tuân th i u l này./.

Y BAN NHÂN DÂN THÀNH PH